TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 65/2018/DS-PT
Ngày 18 - 9 - 2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Ông Lê Hồng Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 80/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33C/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lại Xuân T, sinh năm 1964. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm 6, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An; hiện đang làm việc tại Trường Tiểu học số 2 xã P, huyện Yên T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Thái Bình Dương, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Lê Trần, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lại Xuân T trình bày:

Ngoài làm nghề nông nghiệp ra ông còn buôn bán trâu bò, ông có điều kiện nên có cho một số người vay tiền mục đích giúp đỡ, ông có sổ theo dõi việc chi tiêu trong gia đình. Việc anh C vay tiền được viết giấy cho vay tiền trong sổ và hai bên ký nhận. Quá trình anh C vay như sau:

- Ngày 11 tháng 11 năm 2013 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 30.000.000 đồng để sắm tài sản trong gia đình, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 10 tháng 01 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2013 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 40.000.000 đồng để lo công việc gia đình, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 10 tháng 01 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 30 tháng 12 năm 2013 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 30.000.000 đồng để giúp cho anh Nguyễn Trọng H, lúc đó chỉ có 03 người (ông T, anh C và anh H), ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 30 tháng 02 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 02 tháng 4 năm 2014, anh C đến nhà ông vay 25.000.000 đồng để anh Phạm Văn L đóng mái tôn, lúc đó chỉ có 03 người (ông T, anh C và anh L), ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 04 tháng 4 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 14 tháng 4 năm 2014 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 18.000.000 đồng để đổi khế ngân hàng, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 24 tháng 4 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 20 tháng 5 năm 2014 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 40.000.000 đồng để sắm sửa trong gia đình, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 20 tháng 6 năm 2014 âm lịch.

- Ngày 27 tháng 9 năm 2014 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 10.000.000 đồng để thêm vào đổi khế ngân hàng, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày vay.

Khi đến thời hạn phải trả các khoản tiền trên, anh C không trả nên ông đến nhà anh C hỏi tiền thì anh C bảo yên tâm hôm nào anh mượn được bìa đất rồi lo cho cậu.

Đến ngày 22 tháng 12 năm 2014 hoặc 2015, anh C đến nhà trả cho ông 25.000.000 đồng, khi trả chỉ có 02 người, anh C bảo ông thông cảm vì chỉ lo được thế thôi, anh C viết giấy trả tiền để sẵn trong túi và đưa bút, giấy trả tiền cho ông ký, khi ký ông có đọc và không nhất trí nội dung trong giấy vì viết bằng số mà không viết bằng chữ phía sau. Nhưng ông vẫn ký vì anh C bảo cậu yên tâm, sau khi ký xong anh C mang giấy trả tiền về.

Tổng số tiền anh C vay 193.000.000 đồng, anh C đã trả 25.000.000 đồng. Nay, ông yêu cầu anh C trả tiếp 168.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2017, ông T khai bổ sung: Vào ngày 11 tháng 11 năm 2013 âm lịch, anh C đến nhà ông vay 20.000.000 đồng để sắm tài sản trong gia đình, lúc đó chỉ có 02 người, ông viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 10 tháng 01 năm 2014 âm lịch. Sau khi viết giấy cho vay tiền xong thì anh C vay thêm 10.000.000 đồng nữa nên ông đã sửa trong giấy cho vay tiền "hai mươi triệu thành ba mươi triệu" như sau: Chữ số ghi là "20.000.000" và chữ viết ghi là "hai mươi triệu đồng" sửa lại chữ số "2" thành chữ số "3" và chữ viết "Hai" thành chữ viết "Ba".

Ông chấp nhận việc sửa chữa giấy cho vay tiền là sai nên ông chấp nhận anh C vay 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh C vay 183.000.000 đồng, anh C đã trả 25.000.000 đồng. Nay yêu cầu anh C trả tiếp 158.000.000 đồng.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Ngày 11 tháng 11 năm 2013 âm lịch, anh đến nhà ông T vay 20.000.000 đồng để trả nợ, lúc đó chỉ có 02 người, ông T trực tiếp viết vào sổ và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 10 tháng 01 năm 2014 âm lịch. Nhưng ông T đã chữa thành 30.000.000 đồng. Anh đã trả được một số tiền lãi, mức lãi 4.000 đồng/triệu/ngày, anh chưa trả được tiền gốc.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2013 âm lịch, anh đến nhà ông T theo yêu cầu của ông T để làm lại giấy cho vay tiền lần trước, nội dung giấy cho vay tiền như ông T đã trình bày. Anh không nhận đồng tiền nào, việc đổi giấy cho vay tiền anh không có chứng cứ chứng minh, anh đã trả được một số tiền lãi, mức lãi 4.000 đồng/triệu/ ngày. anh chưa trả được tiền gốc.

- Ngày 30 tháng 12 năm 2013 âm lịch, anh đến nhà ông T vay 30.000.000 đồng để giúp cho anh Nguyễn Trọng H, lúc đó chỉ có 03 người (ông T, anh C và anh H), ông T trực tiếp viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 30 tháng 02 năm 2014 âm lịch. Anh đã trả lãi suất nhưng chưa trả được tiền gốc.

- Ngày 02 tháng 4 năm 2014, anh đến nhà ông T vay 25.000.000 đồng để anh Phạm Văn L đóng mái tôn, lúc đó chỉ có 03 người (ông T, anh C và anh L), ông T trực tiếp viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 04 tháng 4 năm 2014 âm lịch. Anh đã trả lãi suất nhưng chưa trả được tiền gốc.

- Ngày 14 tháng 4 năm 2014 âm lịch, anh đến nhà ông T vay 18.000.000 đồng để đổi khế ngân hàng, lúc đó chỉ có 02 người, ông T trực tiếp viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, vay không lãi suất, thời hạn trả ngày 24 tháng 4 năm 2014 âm lịch. Anh đã trả trước lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày. Anh đã trả cho ông T 18.000.000 đồng vào ngày 24 tháng 4 năm 2014 âm lịch. Hai bên trả tiền qua tay và anh không có chứng cứ chứng minh việc trả 18.000.000 đồng.

- Ngày 20 tháng 5 năm 2014 âm lịch, ông T yêu cầu anh xuống nhà viết lại giấy cho vay tiền của khoản vay ngày 10 tháng 12 năm 2013 là 40.000.000 đồng. Nên anh đã nhất trí và ký vào giấy cho vay tiền có nội dung đúng như ông T trình bày.

Anh không có chứng cứ chứng minh việc đổi giấy cho vay tiền này. Hiện nay Anh còn nợ tiền gốc.

- Ngày 27 tháng 9 năm 2014 âm lịch, anh đến nhà ông T vay 10.000.000 đồng để đổi khế ngân hàng, lúc đó chỉ có 2 người, ông T trực tiếp viết giấy cho vay tiền (trong sổ) và hai bên ký nhận, thời hạn trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày vay. Anh đã trả trước tiền lãi suất 1.000.000 đồng, còn nhận về 9.000.000 đồng.

Anh đã trả cho ông T 10.000.000 đồng sau 10 ngày. Anh không có chứng cứ chứng minh việc trả 10.000.000 đồng.

Do ông T đến hỏi nợ liên tục nên anh khất sau ba tháng trả, ông T chấp nhận nhưng yêu cầu phải trả cùng một lúc số tiền gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi suất 30.000.000 đồng. Anh chấp nhận yêu cầu của ông T, khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 2014 âm lịch, ông T viết giấy cho vay tiền với số tiền 125.000.000 đồng, có sự chứng kiến của vợ ông T là bà Võ Thị H, giấy này ông T viết, anh ký và ông T giữ giấy, địa điểm viết giấy tại nhà bà nội Đinh Thị Đ.

Đến ngày 22 tháng 12 năm 2014 âm lịch, anh đã xoay đủ tiền 125.000.000 đồng và đưa đến nhà trả cho ông T 125.000.000 đồng, chỉ có 02 người, không có người chứng kiến, ông T nhận tiền xong, anh trực tiếp viết giấy trả tiền đầy đủ một lần, với số tiền trả là 125.000.000 đồng và đưa cho ông T đọc kỹ càng, sau đó anh và ông T ký vào giấy trả tiền, giấy trả tiền viết một bản và anh giữ bản gốc đó đến sau này.

Giấy trả tiền anh viết hoàn chỉnh một lần ngay từ đầu, không tẩy xóa, thêm bớt.

Nay, anh đã trả hết tiền vay cho ông T, anh không nợ ông T nữa. Ông T yêu cầu anh trả 168.000.000 đồng, anh không chấp nhận.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Lại Xuân T. Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho ông Lại Xuân T 158.000.000 đồng tiền vay. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.900.000 đồng. Ông Lại Xuân T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, cưỡng chế cthi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2017, anh Nguyễn Văn C kháng cáo, với nội dung: Đề nghị xem lại khoản tiền vay nóng 18.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, vì khoản tiền này anh C đã trả sau 10 ngày nhưng anh C không

có giấy tờ để chứng minh việc đã trả. Đề nghị xem lại thông tin từ hai phía và giấy trả tiền ngày 10 tháng 02 năm 2015 (tức ngày 22 tháng 12 năm 2014 âm lịch) của anh C cung cấp. Tại phiên tòa, anh C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền vay 10.000.000 đồng và 18.000.000 đồng vay nóng và xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm. Đồng thời, xem xét lại Kết luận giám định của Bộ Quốc phòng; triệu tập người làm chứng, giám định viên; thu thập đơn tố cáo lần đầu của ông T gửi Công an huyện Yên Thành để xét xử lại vụ án, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Các bên đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho ông Lại Xuân T 158.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã xét xử buộc bị đơn anh Nguyễn Văn C phải trả nguyên đơn ông Lại Xuân T tổng số tiền vay 158.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C:

Đối với khoản tiền vay nóng 18.000.000 đồng ngày 24 tháng 4 năm 2014 âm lịch và 10.000.000 đồng ngày 27 tháng 9 năm 2014 âm lịch, anh C thừa nhận khi vay anh có ký vào giấy vay tiền nhưng anh đã trả trao tay cho ông T sau đó 10 ngày nhưng ông T không thừa nhận. Xét về mặt nguyên tắc khi vay trả theo như anh C khai là không hợp lý, vì khi vay thì ký nhận nhưng khi trả thì lại không. Tại phiên

tòa phúc thẩm, anh cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là đã trả hai khoản tiền này cho ông T.

Anh C cho rằng anh đã trả cho ông T một lần với tổng số tiền 125.000.000 đồng, điều đó được chứng minh qua giấy trả tiền ngày 10 tháng 02 năm 2015 dương lịch (tức ngày 22 tháng 12 năm 2014 âm lịch) do anh viết một bản hoàn chỉnh ngay từ đầu, không tẩy xóa, thêm bớt. Xét thấy, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, anh C không chứng minh được anh còn nợ ông T gồm những khoản nào cộng lại để có tổng số tiền là 125.000.000 đồng. Anh C và ông T cũng đã thống nhất ngày 22 tháng 12 năm 2014 âm lịch, anh C trả tiền vay nhưng ông T chỉ chấp nhận anh C trả 25.000.000 đồng và anh C viết giấy trả tiền, số tiền trả chỉ ghi bằng số, không ghi bằng chữ và hai bên ký nhận, anh C giữ giấy trả tiền và cung cấp chứng cứ. Số tiền trong giấy khi anh C xuất trình là 125.000.000 đồng là giả mạo, vì đã thêm con số "1" vào trước số 25.000.000 đồng và thêm vào phần chữ "một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn" vào phần sau. Hai bên không thống nhất được số tiền trong giấy trả tiền là 125.000.000 đồng hay 25.000.000 đồng, ông T đã yêu cầu trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 1209/C54-P5 ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục cảnh sát, Bộ Công an đã kết luận: Chữ số "1" trong số "(125.000.000 đồng" ở dòng chữ viết thứ 10 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A và các chữ "(một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn)" tại dòng chữ viết thứ 13 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là các chữ viết thêm. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 22 tháng 12 năm 2014 âm lịch, anh C đã trả cho ông T 25.000.000 đồng chứ không phải 125.000.000 đồng như trình bày của anh C.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, anh C làm đơn yêu cầu và Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định lại các nội dung nêu trên. Tại Kết luận giám định số 205/GĐKTHS-P11 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng đã kết luận: Số "1" trong số "125.000.000" tại dòng 10 và cụm chữ "đã nhận đủ số tiền mặt viết bằng chữ là: (một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn)" tại dòng 12, 13 từ trên xuống trên Giấy trả tiền đề ngày 10 tháng 02 năm 2015 (ký hiệu A) là được viết chèn điều thêm. Như vậy, kết quả giám định lại của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng cũng giống với kết quả giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.

Ngoài ra, trước khi xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, anh C đề nghị Tòa án xem xét để giám định lại và triệu tập giám định viên thực hiện việc giám định tham

gia phiên tòa, đề nghị thu thập bản chính kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.

Xét thấy, Tòa án đã trưng cầu giám định đúng yêu cầu của bị đơn, đúng tài liệu và nội dung vụ án cần giám định, cơ quan trực tiếp giám định là Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng đã thực hiện đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu giám định lại của bị đơn. Giám định viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, kết luận giám định có xác nhận của lãnh đạo và đóng dấu của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng nên không cần triệu tập giám định viên tham gia phiên tòa. Văn bản kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an là tài liệu vụ án Tòa án thu thập có thể là bản chính, có thể là bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Kết quả giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an hiện Công an huyện Yên Thành đang lưu giữ, quản lý và cung cấp cho Tòa án bản sao, có chứng thực của Công an huyện Yên Thành làm căn cứ giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C còn đề nghị triệu tập thêm người làm chứng tham gia phiên tòa, xét thấy, với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định sự thật khách quan của vụ án mà không cần triệu tập thêm người làm chứng. Đối với yêu cầu thu thập đơn tố cáo lần đầu của ông Lại Xuân T gửi Công an huyện Y, nội dung này Tòa án đã có yêu cầu và Công an huyện Y có văn bản trả lời, và gửi kèm theo các đơn tố cáo, yêu cầu của ông T cho Tòa án, nhưng không có đơn tố cáo có nội dung số tiền anh C còn nợ ông T 110.000.000 đồng. Ngoài ra, anh C có nộp đơn tố cáo ngày 10 tháng 01 năm 2016 của ông T gửi Công an huyện Y với nội dung: Anh C vay 193.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng, còn lại 178.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T trình bày sở dĩ trong giấy ngày 10 tháng 01 năm 2016 ông T ghi 193.000.000 đồng nhưng trong đơn yêu cầu Tòa án, ông chỉ yêu cầu 183.000.000 đồng là do có một giấy sửa từ 20 triệu đồng thành 30 triệu đồng, anh C không chấp nhận 30 triệu đồng nên ông T khấu trừ chỉ ghi 20 triệu đồng (tức giảm 10 triệu đồng). Hơn nữa, trong đơn tố cáo ngày 10 tháng 01 năm 2016, ông T khai đã trả 15.000.000 đồng nhưng trong giấy trả tiền ghi trả 25.000.000 đồng, lý do là do ông T nhầm lẫn, nhớ không chính xác.

Như vậy, có căn cứ kết luận, anh C vay ông T 183.000.000 đồng, đã trả 25.000.000 đồng, còn nợ 158.000.000 đồng.

Với các chứng cứ và những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị; buộc anh Nguyễn Văn C phải trả lại cho ông Lại Xuân T số tiền vay còn lại là 158.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[4] Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân T được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả. Anh Nguyễn Văn C kháng cáo không được chấp nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí giám định, anh Nguyễn Xuân Cần yêu cầu giám định lại nhưng kết quả giám định giống với kết quả giám định ban đầu nên phải chịu chi phí giám định 5.216.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân T. Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho ông Lại Xuân T 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 7.900.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lại Xuân T 4.200.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567 ngày 13 tháng 7 năm 2017.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567 ngày 13 tháng 10 năm 2017.

3. Về chi phí giám định chữ ký: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 5.216.000 đồng (Năm triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng) chi phí giám định tài liệu, đã thanh toán xong.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Công an huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phồn